ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NÚI CẤM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5367 /QĐ-UBND	*Núi Cấm, ngày 23 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án: Nạo vét kênh Xà Du
Địa điểm: Xã Núi Cấm, tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NÚI CẤM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2026 Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 06 năm 2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Công văn số 2970/BCTĐ-PKT ngày 22 tháng 10 năm 2026 của Phòng Kinh tế xã Núi Cấm về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng: Nạo vét kênh Xà Du;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 2971/TTr–PKT ngày 22 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Nạo vét kênh Xà Du, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Nạo vét kênh Xà Du.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

2.1. Loại, nhóm dự án: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, dự án nhóm C.

2.2. Loại, cấp công trình chính của dự án: Cấp IV.

2.3. Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Dưới 25 năm.

3. Mã định danh:

4. Địa điểm xây dựng dự án; điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế; diện tích sử dụng đất của dự án:

4.1. Địa điểm xây dựng dự án: Xã Núi Cấm, tỉnh An Giang.

4.2. Điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế: điểm đầu giáp kênh Trà Sư, điểm cuối giáp đường đất hiện trạng.

4.3. Diện tích sử dụng đất của dự án: Nạo vét tuyến kênh hiện trạng có sẵn, không mở rộng diện tích chiếm đất.

5. Người quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Núi Cấm.

6. Chủ đầu tư: Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Núi Cấm.

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; nhà thầu khảo sát xây dựng:

7.1. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công: Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Đăng Nhung.

7.2. Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Đăng Nhung.

8. Mục tiêu dự án:

- Đảm bảo nguồn nước tưới tiêu: Cải thiện khả năng dẫn nước, phục vụ ổn định cho sản xuất nông nghiệp và phòng chống hạn hán;
- Giảm ngập úng: Tăng cường khả năng thoát nước, giảm thiểu tình trạng ngập lụt, đặc biệt là trong mùa mưa;
- Phát triển giao thông nội đồng: Tăng khả năng kết nối, hỗ trợ vận chuyển nông sản và hàng hóa dễ dàng hơn;
- Bảo vệ môi trường: Cải thiện chất lượng nước, giảm ô nhiễm và khôi phục hệ sinh thái nội đồng.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Chiều dài tuyến kênh : 3.920,0m;
- Chiều rộng đáy kênh nạo vét : B=7,00m;
- Cao trình đáy kênh nạo vét : -2,50m;
- Hệ số máy đào : m=1,0;
- Tổng khối lương nạo vét : 35.104,748m3;
- Dùng máy đào <=0,8 di chuyển trên hệ nổi để nạo vét;
- Nạo vét theo tim kênh hiện trạng chiều sâu trung bình (0,12÷2,06)m, mái taluy m=1÷1;
- Đất nạo vét đổ lên 1 bờ đê hiện trạng;
- San ủi rộng 3m sâu 30cm để tạo mặt đê.

10. Số bước thiết kế; Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

Dự án lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế 01 bước.

Theo Công văn số 2970/BCTĐ-PKT ngày 22 tháng 10 năm 2026 của Phòng Kinh tế xã Núi Cấm.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng (tính tròn): 1.216.819.000 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ hai trăm mười sáu triệu tám trăm mười chín ngàn đồng)*. Trong đó:

Đơn vị: Đồng.

Nội dung	Giá trị đầu tư
Chi phí xây dựng	977.557.869
Chi phí quản lý dự án	32.789.458

Chi phí tư vấn xây dựng	140.542.240
Chi phí khác	7.985.696
Dự phòng phí	57.943.763
Tổng kinh phí	**1.216.819.027**
Tính tròn	**1.216.819.000**

12. Thời gian thực hiện dự án/giai đoạn thực hiện dự án/phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án:

12.1. Thời gian thực hiện dự án/giai đoạn thực hiện dự án: Năm 2026.

12.2. Phân kỳ đầu tư: Năm 2026.

12.3. Thời hạn hoạt động của dự án: Không quy định.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án:

13.1. Nguồn vốn đầu tư: Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2026.

13.2. Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án: Trong năm 2026.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện để tư vấn quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không quy định.

16. Các nội dung khác (nếu có): Không.

Điều 2. Chủ đầu tư triển khai thực hiện đúng theo nội dung Điều 1 của Quyết định này. Đồng thời tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng và các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp;
- Lưu: VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hùng Cường